

Số: 655 /BVĐHYD-VTTB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2026

V/v mời chào giá

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hóa chất sát khuẩn theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp hóa chất sát khuẩn năm 2026
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Chủ đầu tư.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 09 giờ, ngày 25/02/2026
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan Số điện thoại: 028 3952 5243
10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

 - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
 - + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có);
 - + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J22-282-ttbtran).

TUQ. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ



Nguyễn Hữu Thịnh



CÔNG TY:

MÃ ĐỊNH DANH:

SỐ ĐIỆN THOẠI NHÂN SỰ PHỤ TRÁCH:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-.... của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

Stt	Danh mục mời chào giá		Hàng hóa chào giá										Chứng minh giá			
	Stt trong danh mục mời chào giá	Tên danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Chủng loại/ mã hàng	Đặc tính kỹ thuật	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số đăng ký lưu hành	Đơn vị tính	Số lượng có khả năng cung ứng	Đơn giá có VAT (VND)	Thành tiền (VND)	Tên cơ sở y tế	Số/ngày QĐ kết quả lựa chọn nhà thầu	Số Thông báo mời thầu	Đơn giá trúng thầu (VND)

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)



PHỤ LỤC. DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Que thử nồng độ Peracetic acid, trước khi bảo quản	- Định lượng chất Peracetic acid trong màng lọc (Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acid từ: 400, 600 và 800 ppm) - Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 12 giây - Quy cách đóng gói: hộp/100 que - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (Châu Âu)/FDA	Hộp	29
2	Que thử nồng độ Hydrogen Peroxide, sau khi làm sạch	- Định lượng chất Peroxide trong màng lọc (Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm) - Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây - Số lượng đóng gói từ 100 - 150 cái/hộp - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (Châu Âu)/FDA	Hộp	25
3	Dung dịch bảo dưỡng, bôi trơn dụng cụ	- Thành phần phần: White mineral oil 20-30%; 2,2-Dimethyl-1,3 - dioxolan-4-ylmethanol 5-10%; 2-phenoxyethanol 1-2,5% - Chất hoạt động bề mặt - pH: 7.0 – 7.5 - Dạng bào chế: Dung dịch - Thể tích đóng gói: can 05 lít - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (Châu Âu)/FDA	Can	154
4	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, sử dụng theo máy phân lượng (dạng cơ), chai 1200-1500 ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3.4 % (Tổng các thành phần dao động từ 63% đến 69%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng cơ - Thể tích đóng gói từ 1200-1500 ml - Đạt tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: ASTM E (ASTM E 2755) hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Chai	911
5	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, sử dụng theo máy phân lượng (tự động), chai 1200 -1500 ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3.4 % (Tổng các thành phần dao động từ 63% đến 69%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng tự động - Thể tích đóng gói từ 1200 -1500 ml - Đạt tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: ASTM E (ASTM E 2755) hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Chai	815

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
6	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, chai 354 - 500ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3.4 % (Tổng các thành phần dao động từ 63% đến 69%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều - Thể tích đóng gói từ 354 - 500ml - Đạt tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: ASTM E (ASTM E 2755) hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Chai	5.000
7	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel chứa 52% Ethanol, 18% Propane-2-ol, chai 500ml	- Thành phần: Ethanol 52%, Propane-2-ol 18% (tổng các thành phần dao động từ 66.5% đến 73.5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN 1500, EN 12791 hoặc tương đương	Chai	2.500
8	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có chứa 0.5% Chlorhexidine Gluconate + 70% Ethanol, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 0.5%, Ethanol 70% (Tổng các thành phần dao động từ 67 đến 74%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	2.000
9	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có Ethanol 70% + Propanol-2-ol 1.74%, chai 500 ml	- Thành phần: Ethanol 70%, Propanol-2-ol 1.74% (tổng các thành phần dao động từ 68% đến 75%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN 1500, EN 12791 hoặc tương đương	Chai	31.088
10	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có 45% ethanol và 18% n-propanol, chai 500 ml	- Thành phần: Ethanol 45%, n-propanol 18% (Tổng các thành phần dao động từ 60% đến 66%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN 1500, EN 12791 hoặc tương đương	Chai	25.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
11	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 2% Chlorhexidine Gluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 2% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn EN 1499 hoặc tương đương	Can	200
12	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa cocamidopropyl betaine, Sodium C14-17 alkyl sulfonate, can 5 lít	- Thành phần: Cocamidopropyl betaine 3%, Sodium C14-17 alkyl sulfonate 1.8% (Tổng các thành phần dao động từ 3% đến 3.34%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: ISO 11930 hoặc tương đương	Can	614
13	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 2% Chlorhexidine Gluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 2% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn EN 1499 hoặc tương đương	Chai	5.107
14	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa cocamidopropyl betaine, Sodium C14-17 alkyl sulfonate, chai 500 ml	- Thành phần: Cocamidopropyl betaine 3%, Sodium C14-17 alkyl sulfonate 1.8% (Tổng các thành phần dao động từ 3% đến 3.34%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: ISO 11930 hoặc tương đương	Chai	11.725
15	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine digluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 05 lít ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN 12791, EN 14476	Can	1.460
16	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine digluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500ml ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN 12791, EN 14476	Chai	383
17	Dung dịch tắm trước phẫu thuật chứa Chlorhexidine digluconate 4% , chai 100 ml	- Thành phần: chlorhexidine gluconate /chlorhexidine digluconate 4% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 100 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng: EN 1499, EN 12791	Chai	27.326

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	Khăn tắm khô Chlorhexidine digluconate, 10 - 20 cái/gói	- Khăn tắm khô định dạng hình găng tay sử dụng một lần chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) có trọng lượng 60-70 gsm - Kích thước khoảng 220 x 150 mm (± 5 mm) - Thành phần: Chlorhexidine digluconate 0.1%, Octenidin HCl 9ppm (0.009%). (Tổng các thành phần dao động từ 0.104% đến 0.1145%) - Dạng bào chế: khăn tắm hóa chất - Quy cách đóng gói: 10 - 20 cái/gói - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương	Gói	8.428
19	Dung dịch rửa vết thương chứa 1% Povidone iodine + 50% 2-propanol, chai 250-500 ml	- Thành phần: Povidone Iodine 1%, 2-propanol 50% (Tổng các thành phần dao động từ 48.5% - 53.5%) - Dạng bào chế: lỏng (chai xịt) - Thể tích đóng gói từ 250-500 ml - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14476 hoặc tương đương	Chai	3.831
20	Dung dịch rửa vết thương chứa 7.5% Povidone iodine, chai 100 ml	- Thành phần: Povidone iodine 7.4-7.5% - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 100 ml ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14476 hoặc tương đương	Chai	97.992
21	Dung dịch rửa vết thương chứa 7.5% Povidone iodine, chai 500 ml	- Thành phần: Povidone iodine 7.4-7.5% - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói từ 500 - 1000 ml - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14476 hoặc tương đương	Chai	4.790
22	Dung dịch rửa vết thương dạng lỏng chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, chai 350 ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 350 ml ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (Châu âu)/FDA	Chai	13.857
23	Dung dịch rửa vết thương dạng lỏng chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, chai 40 ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 40 ml ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (Châu âu)/FDA	Chai	175

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
24	Dung dịch rửa vết thương dạng gel chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, chai 30ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 30 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE (tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA/EN - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (Châu Âu)/FDA	Chai	742
25	Dung dịch rửa vết thương dạng gel chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, chai 50ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 50 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE (tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA/EN - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (Châu Âu)/FDA	Chai	100
26	Dung dịch rửa vết thương dạng gel chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, chai 250ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 250 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE (tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA/EN - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (Châu Âu)/FDA	Chai	50
27	Dung dịch rửa vết thương dạng lỏng chứa Hypochlorous	- Thành phần: Sodium Chloride (NaCl) $\leq 0,08\%$; Hypochlorous (HOCl) và Sodium hypochlorite (NaOCl) $\leq 0,013\%$ - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 1000 ml ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE/FDA	Chai	1.200
28	Dung dịch rửa vết thương dạng lỏng chứa Hypochlorous	- Thành phần: Sodium Chloride (NaCl) $\leq 0,08\%$; Hypochlorous (HOCl) và Sodium hypochlorite (NaOCl) $\leq 0,013\%$ - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 250 ml ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE/FDA	Chai	1.068
29	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong rửa máy chạy thận	- Thành phần: 100g chứa 21g Citric acid 1-hydrate, 2g Lactic acid, 2g Malic acid (tổng các thành phần dao động từ 23,75 -26,25g) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói can 5 lít ($\pm 5\%$) - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/DFA	Can	167

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
30	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong rửa quả lọc thận	- Thành phần: Peracetic acid 4.2%; Hydrogen Peroxide 30%, Acetic Acid: 4.9% (Tổng các thành phần dao động từ 37% đến 41%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói: can 4-5 lít - Tiêu chuẩn hệ thống: ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE/DFA	Can	44
31	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong khử khuẩn mức độ trung bình 20% Cocopropylene Diamine, can 5 lít	- Thành phần: Cocopropylene Diamine 19-21% - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói can 05 lít ($\pm 5\%$) - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Can	250
32	Dung dịch khử khuẩn mức độ trung bình 10% - 20% QUAT, can 5 lít	- Thành phần: Didecyldimethylammonium chloride 10-20% - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói can 05 lít ($\pm 5\%$) - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Can	250
33	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 6.5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0.074% Chlorhexidine digluconate, can 5 lít	- Thành phần: Didecyldimethyl ammonium chloride 6.5%, Chlorhexidine digluconate 0.074% (Tổng các thành phần dao động từ 6.2% đến 6.9%) - Có chất hoạt động bề mặt - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Can	346
34	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 20% Cocopropylene Diamine, chai 1 lít	- Thành phần: Cocopropylene Diamine 19-21% - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói chai 01 lít ($\pm 5\%$) - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Chai	24
35	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 6.5% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0.074% Chlorhexidine digluconate, chai 1 lít	- Thành phần: Didecyldimethyl ammonium chloride 6.5%, Chlorhexidine digluconate 0.074% (Tổng các thành phần dao động từ 6.2% đến 6.9%) - Có chất hoạt động bề mặt - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 1 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn sản phẩm: EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE/FDA	Chai	77

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
36	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao Acid peracetic 1000-2000 ppm	- Thành phần: 60% N-Acetylcaprolactam + 3.01% Hydrogen peroxyde (Tổng các thành phần dao động từ 60-66%). Dung dịch sau hoạt hóa thành Acid Peracetic 1000-2000ppm) - Chất ổn định sản phẩm: chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói can 5 lít (± 2.5%) - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: EN14561, EN14562, EN14563, EN14476 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (châu Âu)/FDA	Lít	1.000
37	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao 0.55% Ortho-Phthalaldehyde	- Thành phần: 0.55% Ortho-Phthalaldehyde - pH 7.0-7.8 - Chất ổn định sản phẩm: chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Dạng bào chế: dung dịch - Thể tích đóng gói từ 3.78 - 5 lít - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: EN14561, EN14562, EN14563, EN14476 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (châu Âu)/FDA	Lít	19.255
38	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao 0.575%-0.6% Ortho-Phthalaldehyde	- Thành phần: 0.575 - 0.6% Ortho-Phthalaldehyde - pH 7.0-7.8 - Chất ổn định sản phẩm: chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Dạng bào chế: dung dịch - Thể tích đóng gói từ 3.78 - 5 lít - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: EN14561, EN14562, EN14563, EN14476 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (châu Âu)/FDA	Lít	9.994
39	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao Hydrogen Peroxide	- Thành phần: Hydrogen peroxide sau hoạt hóa 2% (tương đương Hydrogen peroxide 7,5%), cụ thể: 2-Furancarboxylic acid: 2 – 3% , Hydrogen peroxide 1-3 %. - Chất ổn định sản phẩm: chất ức chế ăn mòn/ ri sét - Dạng bào chế: dung dịch - Thể tích đóng gói từ 4 - 5 lít - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật EN tương đương - Chứng nhận lưu hành: CE (châu Âu)/FDA	Lít	4.000

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
40	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm QAC, 100 - 120 cái/gói	- Thành phần: Alkylbenzyl Dimethylammonium Chloride 0.095%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 0.025% (Tổng các thành phần dao động từ 0.114% đến 0.126%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 20 x 20 cm (± 2 cm) - Quy cách đóng gói 100 -120 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn diệt vi sinh vật EN hoặc tương đương	Gói	1.500
41	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm QUAT 0.3- 0.35%	- Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium chloride 0.3 - 0.35% - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 18 x 20 cm (± 2 cm) - Đóng gói từ 100 -150 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn diệt vi sinh vật EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Gói	7.000
42	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm QUAT 0.2- 0.25%	- Thành phần: Alkyl dimethylbenzyl ammonium chloride 0.08% và Didecyl dimethyl ammonium chloride 0.16% (Tổng các thành phần dao động từ 0.23% đến 0.25%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 20 x 20 cm (± 2 cm) - Quy cách đóng gói 100 -120 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn diệt vi sinh vật EN hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Gói	5.000
43	Khăn lau khử khuẩn bề mặt thiết bị y tế tẩm QAC và alcohol, 150 - 200 cái/gói	- Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium Chloride 0.76%, Ethanol 7.5%, Isopronanol 15% (tổng các thành phần dao động từ 22.1% đến 24.4%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 15 cm x 17cm (± 2 cm) - Đóng gói từ 150 - 200 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Đạt chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Gói	2.750

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
44	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm Alcohol, 200 -250 cái/gói	- Thành phần: : 0.28% Benzethonium Chloride, 18% Isopropyl Alcohol (Tổng các thành phần dao động từ 17% đến 19.5%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 15 x 20 cm (± 2 cm) - Đóng gói từ 200 -250 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn diệt vi sinh vật EN13727, EN13624, EN14348, EN14476 hoặc tương đương	Hộp	2.750
45	Hóa chất khử khuẩn mức độ trung bình dạng viên nén chứa 2.5g Troclosense sodium	- Thành phần: 2.4g - 2.7 g Troclosense sodium - Dạng bào chế: viên nén - Quy cách đóng gói: 100 viên/hộp - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương	Viên	600
46	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng bề mặt phương tiện, thiết bị y tế hoạt chất QAC+CHG+alcohol, chai 750 - 1000ml	- Thành phần: 0,053% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,064 % Chlorhexidine digluconate kết hợp 22,6% Ethanol (Tổng các thành phần dao động từ 21% đến 24%) - Dạng bào chế: lỏng (chai xịt) - Thể tích đóng gói từ 750 - 1000ml - Đạt các tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn EN hoặc tương đương - Tiêu chuẩn lưu hành CE (Châu Âu)/FDA	Chai	346
47	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt môi trường chứa Hydrogen Peroxide 6%, 1 - 2 lít	- Thành phần: Hydrogen Peroxide 5,7% -6,3% + Ion Ag 15-75ppm (0.0015-0.0075%) - Dạng bào chế: lỏng - Thời gian tiếp cận phòng ≤ 60 phút - Công năng: Dùng với máy chuyên dụng thông thường có mật độ 01ml/01m³ - Thể tích đóng gói 1 - 2 lít - Đạt các tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn diệt khuẩn EN 17272 hoặc tương đương	Lít	2.431
48	Dụng dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 0.5% Protease, chai 1 lít	- Thành phần: Protease 0.475- 0.525% - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói chai 01 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/ FDA	Chai	135
49	Dụng dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 0.5% Protease, can 5 lít	- Thành phần: Protease 0.475- 0.525% - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt, - Thể tích đóng gói can 05 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/ FDA	Can	500

Stt	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
50	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme (05 loại): protease, lipase, amylase, mannanase, cellulase, can 5 lít	- Thành phần: protease 1%-3%, lipase 0.1%-0.5%, amylase 0.1%-0.5%, mannanase 0.1%-0.5%, cellulase 0.1%-0.5% - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: dung dịch - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/ FDA	Can	562
51	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme (04 loại): Subtilisins, lipase, amylase, cellulase, can 5 lít	- Thành phần: Subtilisins <1%; 1.2-benzisothiazol-3(2H)-one <0.05; lipase <0.1%; amylase <0.1%; và Cellulase <0.1%. - Dạng bào chế: lỏng - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói 5 lít (±5%) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/ FDA	Can	933
52	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 0,1 - 2%, Protease, can 5 lít	- Thành phần: Protease 0,1 - 2,0% - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói can 05 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/ FDA	Can	2.310
53	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme: 0.5% Protease + 0.2% Lipase + 0.15% Amylase + 0.05% Cellulase, can 3,8- 5 lít	- Thành phần: 0.5% Protease + 0.2% Lipase + 0.15% Amylase + 0.05% Cellulase (Tổng các thành phần dao động từ 0.85 - 0.95%) - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt - Thể tích đóng gói can 3,8- 5 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Chứng nhận lưu hành CE (Châu Âu)/ FDA	Can	4.311
54	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme dùng làm ẩm dụng cụ, chai 750 - 1000 ml	- Thành phần: protease, lipase, Amylase, mannanase, cellulase (tổng 5 enzyme < 5%), 1-(2-methoxy-1-methylethoxy)-2-propanol < 15% - Dạng bào chế: lỏng - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Thể tích đóng gói từ 750 - 1000 ml - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	393
55	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ chứa 2.5% Protease + 2.75% Didecyl Dimethylammonium Chloride, gói 25g	- Thành phần: Protease 2.5%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 2.75% (Tổng các thành phần dao động từ 5% đến 5.5%) - Có chất hoạt động bề mặt - Dạng bào chế: bột - Quy cách đóng gói 25gram (±5%) - Đạt tiêu chuẩn hệ thống ISO 13485 hoặc tương đương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng EN hoặc tương đương	Gói	34.772